

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/HC-PT

Ngày: 26/3/2024

*“V/v: Yêu cầu hủy Quyết định hành
chính và bồi thường thiệt hại”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tiên

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm
ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Ngọc Gia Linh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Hòa Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 224/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2023 về: *“Yêu cầu hủy Quyết định hành chính và bồi thường thiệt hại”*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2023/HC-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: ông Phùng Văn T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số I N, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Phùng Thị T1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số I N, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Phạm Văn N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 2 đường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng.

Cùng địa chỉ: Số D L, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Đức V - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng và Phát triển đô thị thành phố Đ.

Địa chỉ: Tầng E, số D V, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Nguyễn Lâm Thùy K – Chức vụ: Chuyên viên phòng Kế hoạch. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:***

Hộ gia đình ông Phùng Văn T là chủ quản lý sử dụng hợp pháp thửa đất số 62 (314), tờ bản đồ số 34, diện tích 95,6m² tọa lạc tại phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2010, thực hiện Dự án Khu đô thị H (giai đoạn 2) UBND quận N đã ban hành Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 thu hồi toàn bộ thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, do việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ, bố trí đất tái định cư chưa thoả đáng nên ông T có đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét lại nhưng chờ đợi mãi vẫn không có cơ quan nào giải quyết cho ông.

Đến tháng 7/2020 khi ngôi nhà đã xuống cấp nghiêm trọng gia đình ông Tam b phải chấp nhận viết đơn xin nhận đất tái định cư theo bố trí trước đây của cơ quan giải toả bồi thường. Sau thời gian chờ đợi ông nhận được thông báo là hộ gia đình ông không còn nằm trong diện giải toả nữa mà thuộc trường hợp chính trang nên ông đã tiến hành làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để có đủ điều kiện xin giấy phép xây dựng lại nhà ở vì ngôi nhà ông đang ở có thể đổ sập bất cứ lúc nào.

Khi ông tiến hành làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất nêu trên của mình thì UBND quận N mới có Công văn số 3292/UBND-PQLĐT ngày 30/12/2020 xác định thửa đất của gia đình ông đã được điều chỉnh lại để không giải toả theo Quyết định 7482/QĐ-UBND của U về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết TL 1/500 điều chỉnh cục bộ các lô đất ký hiệu B2-1, B2-2 thuộc Khu Đ (giai đoạn 2). Sau đó, đến ngày 18/01/2021 UBND quận N mới ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND về việc thu hồi, huỷ bỏ Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của UBND quận N đối với việc thu hồi thửa đất nêu trên của gia đình ông.

Nhận thấy, khi thực hiện Dự án Khu đô thị H (giai đoạn 2), UBND quận N thu hồi đất của gia đình ông từ năm 2010 đến năm 2016 U đã có quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, thửa đất của ông được điều chỉnh để lại không giải toả nhưng UBND quận N không hề công bố việc điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 46, Điều 48 Luật Đất đai 2013; không ban hành kịp thời quyết định thu hồi, huỷ bỏ quyết định thu hồi đất đối với thửa đất nêu trên của gia đình

ông là trái pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Hậu quả của việc làm trái pháp luật nêu trên của UBND quận N đã làm cho gia đình ông hiện nay phải gánh khoản thuế nộp tiền sử dụng đất và thuế thu nhập cá nhân theo Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của U lên đến 809.659.780 đồng. Trong khi đó, nếu UBND quận N kịp thời ban hành quyết định thu hồi, huỷ bỏ quyết định thu hồi đất ngay khi U ban hành quyết định điều chỉnh quy hoạch năm 2016 để trả lại quyền sử dụng đất hợp pháp cho gia đình ông thì ông đã không phải gánh nặng mức thuế nêu trên khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất. Bởi mức tính thuế nộp tiền sử dụng đất và thuế thu nhập cá nhân thời điểm đó theo Quyết định 46/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của U chỉ 197.065.440 đồng. Chênh lệch: 612.594.336 đồng.

Như vậy, rõ ràng hành vi hành chính chậm ban hành quyết định thu hồi, huỷ bỏ quyết định thu hồi đất của UBND quận N đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T.

Do đó, ngày 12/7/2021 ông T làm đơn khiếu nại đối với hành vi không công bố điều chỉnh quy hoạch dự án; chậm ban hành quyết định thu hồi, huỷ bỏ quyết định thu hồi đất của UBND quận N trong suốt 05 năm qua đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của gia đình ông.

Đồng thời, đề nghị UBND quận N xem xét giải quyết vận dụng cách tính thuế nộp tiền sử dụng đất tại thời điểm U đã ban hành Quyết định 7482/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết TL 1/500 điều chỉnh cục bộ các lô đất ký hiệu B2-1, B2-2 thuộc Khu đô thị H (giai đoạn 2) để áp dụng giá đất năm 2016 thì ông yêu cầu UBND quận N phải có trách nhiệm bồi thường khoản tiền thuế chênh lệch cho ông theo quy định của pháp luật do lỗi không công bố điều chỉnh quy hoạch, chậm ban hành quyết định thu hồi, huỷ bỏ, quyết định thu hồi đất của UBND quận N.

Ngày 20/4/2022 Chủ tịch UBND quận N đã ban hành Quyết định số 1107/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại nêu trên của gia đình. Tại quyết định này, Chủ tịch UBND quận N chỉ chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của ông về việc UBND quận N không công bố điều chỉnh quy hoạch khi Chủ tịch U ban hành Quyết định số 7482/QĐ-UBND ngày 29/10/2016 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết TL 1/500 điều chỉnh cục bộ các lô đất ký hiệu B2-1, B2-2 thuộc Khu đô thị H (giai đoạn 2); chậm ban hành quyết định thu hồi, huỷ bỏ Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của UBND quận N. Không chấp nhận yêu cầu của ông đối với việc UBND quận N áp dụng bảng giá đất tại thời điểm U ban hành Quyết định số 7482/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết TL 1/500 điều chỉnh cục bộ lô đất ký hiệu B2-1, B2-2 thuộc Khu đô thị H (giai đoạn 2) để tính tiền sử dụng đất cho gia đình ông T. Đối với yêu cầu bồi thường khoản tiền thuế chênh lệch cho gia đình ông T không được Chủ tịch UBND quận N đề cập giải quyết tại quyết định giải quyết khiếu nại.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1107/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Chủ tịch UBND quận N mặc dù thừa nhận việc UBND quận N không công

bổ điều chỉnh quy hoạch dự án Khu đô thị H đã được phê duyệt tại Quyết định số 7482/QĐ-UBND ngày 29/10/2016 của Chủ tịch U là trái pháp luật; việc chậm ban hành Quyết định thu hồi huỷ bỏ Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của UBND quận N đã ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của ông T khi được cấp giấy chứng nhận QSD đất nhưng Chủ tịch UBND quận N không xem xét vận dụng giá đất năm 2016 để tính tiền thuế sử dụng đất và cũng không bồi thường khoản tiền thuế chênh lệch cho ông T là không phù hợp, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu TAND TP Đà Nẵng xem xét giải quyết:

- Huỷ một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 1107/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Chủ tịch UBND quận N liên quan đến phần không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Phùng Văn T về việc áp dụng bảng giá đất năm 2016 để tính thuế.

- Buộc UBND quận N bồi thường cho ông T số tiền nộp thuế chênh lệch: 612.594.336 đồng (*Sáu trăm mười hai triệu, năm trăm chín mươi tư ngàn, ba trăm ba mươi sáu đồng*).

- Các khoản thuế sử dụng đất và thuế thu nhập cá nhân tổng cộng số tiền 809.659.780 đồng ông đã nộp theo các Giấy nộp tiền vào N1 ngày 21/9/2021 tại Ngân hàng A.

- Đối với khoản tiền chênh lệch yêu cầu bồi thường thiệt hại được tính như sau:

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của U ban hành quy định về các loại đất trên địa bàn TP Đà Nẵng thì giá đất tại đường N năm 2016: 3.960.000 đồng/ Căn cứ khoản 1 Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất thì số tiền sử dụng đất ông T phải nộp năm 2016 được tính như sau:

$$(3.960.000 \text{ đồng/m}^2 \times 95,7 \text{ m}^2)/2 = 189.486.000 \text{ đồng (1)}$$

Căn cứ theo Điều 14 Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung Luật thuế thu nhập cá nhân 2007 thì tiền thuế thu nhập ông T phải nộp năm 2016:

$$(3.960.000 \text{ đồng/ m}^2 \times 95,7 \text{ m}^2 \times 2\% = 7.579.440 \text{ đồng (2)})$$

Như vậy, tổng số tiền ông cần phải nộp năm 2016 để được cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất của ông: (1) + (2) = 197.065.440 đồng.

Tuy nhiên, do UBND quận N không công bố điều chỉnh quy hoạch khi Chủ tịch U ban hành Quyết định số 7482/QĐ-UBND ngày 29/10/2016; chậm ban hành quyết định thu hồi, huỷ bỏ Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của UBND quận N đã ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của ông đối với thửa đất nêu trên. Nội dung này, tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1107/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Chủ tịch UBND quận N đã thừa nhận tại phần kết luận. Đây là mối quan hệ nhân quả từ hành vi hành chính trái pháp luật (không công bố điều chỉnh quy hoạch, chậm ban hành quyết định

thu hồi, huỷ bỏ quyết định thu hồi đất) dẫn đến thiệt hại cho ông khoản tiền chênh lệch (tăng nghĩa vụ tài chính) phải nộp: 612.594.336 đồng.

Cụ thể ngày 18/01/2021 UBND quận N mới ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND về việc thu hồi, huỷ bỏ Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/6/2010. Và sau khi có quyết định 182/QĐ-UBND ông mới được làm các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất và phải nộp khoản tiền sử dụng đất, tiền thuế thu nhập lên đến 809.659.780 đồng (có biên lai), chênh lệch so với năm 2016: 612.594.336 đồng.

*** *Tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng và Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng là ông Nguyễn Đức V vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng có văn bản trình bày:***

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, UBND quận nhận được đơn khiếu nại của ông Phùng Văn Tam l ngày 12 tháng 7 năm 2021. Trên cơ sở Phiếu đề xuất thụ lý giải quyết khiếu nại của Ban Tiếp công dân quận, ngày 15 tháng 7 năm 2021, Chủ tịch UBND quận đã ký ban hành Thông báo số 439/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 2762/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, Chánh Thanh tra quận đã ký ban hành Quyết định số 15/QĐ-TTQ về việc xác minh nội dung khiếu nại và phê duyệt Kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại của Tổ xác minh.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, Chánh Thanh tra quận đã ký ban hành Báo cáo số 03/BC-TTQ về kết quả xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, Chủ tịch UBND quận trực tiếp tổ chức, chủ trì đối thoại với ông Phùng Văn Tam .

Để có cơ sở xem xét, giải quyết yêu cầu của ông Phùng Văn T đối với việc thu tiền sử dụng đất, ngày 18 tháng 01 năm 2022, UBND quận đã ban hành Báo cáo số 18/BC-UBND gửi UBND thành phố U.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ đã có ban hành Báo cáo số 269/BC-STNMT ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc liên quan thu tiền sử dụng đất đối với ông Phùng Văn Tam . Theo đó, nội dung kiến nghị xem xét áp dụng mức thu tiền sử dụng đất được quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, Chủ tịch UBND quận đã ký ban hành Quyết định số 1107/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phùng Văn Tam . Theo đó, chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của ông Phùng Văn T, cụ thể: Chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của ông Phùng Văn T về việc UBND quận N không công bố điều chỉnh quy hoạch khi Chủ tịch UBND thành phố U ban hành Quyết định số 7482/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2016 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 điều chỉnh cục bộ các lô đất có ký hiệu B2-1, B2-2 thuộc dự án Khu đô thị H (giai đoạn 2); chậm ban hành quyết

định thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2010 của UBND quận N; không chấp nhận yêu cầu của ông Phùng Văn T đối với việc UBND quận N áp dụng bảng giá đất tại thời điểm UBND thành phố U ban hành Quyết định số 7482/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết TL 1/500 điều chỉnh cục bộ các lô đất ký hiệu B2-1, B2-2 thuộc Khu đô thị H (giai đoạn 2) để tính tiền sử dụng đất mà gia đình ông phải nộp để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu.

Về trình tự, thủ tục: Vụ việc khiếu nại này đã được thực hiện đúng theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ và Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2016 của UBND thành phố U quy định chi tiết quy trình giải quyết khiếu nại của tổ chức, công dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Về thể thức và nội dung giải quyết: Việc Chủ tịch UBND quận ban hành Quyết định số 1107/QĐ-UBND nêu trên là đúng thẩm quyền và đảm bảo về trình tự, thủ tục, thể thức giải quyết khiếu nại; nội dung khiếu nại đã được giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, việc người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tuyên hủy Quyết định số 1107/QĐ-UBND là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu của ông Phùng Văn T về việc bồi thường thiệt hại với số tiền thuế chênh lệch là 612.594.336 (*Sáu trăm mười hai triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi sáu đồng*), UBND quận N đang tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng và ghi ý kiến, phản hồi bằng văn bản gửi Tòa án trong thời gian đến. Việc bồi thường xác định rõ là cơ quan nào sai (nếu có) thì sẽ có trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

*** *Tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban Q là bà Nguyễn Lâm Thùy K trình bày:***

Dự án Khu đô thị H (giai đoạn 2) được Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 9573/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2009, với tổng diện tích đất điều chỉnh quy hoạch là 223.751m².

Công trình HTKT Khu đô thị H (giai đoạn 2 - phân kỳ 2) do Sở Xây dựng làm chủ đầu tư, Công ty V1 xây dựng, Xây lắp và Kinh doanh nhà làm nhiệm vụ điều hành dự án. Ban Quản lý nhận chuyển giao nhiệm vụ điều hành dự án này theo Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2015 của UBND thành phố. Từ năm 2021, theo Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021, Ban Quản lý được giao nhiệm vụ chủ đầu tư kiêm quản lý dự án HTKT Khu đô thị H (giai đoạn 2 - phân kỳ 2).

Công trình HTKT Khu đô thị H (giai đoạn 2 - phân kỳ 2) được UBND thành phố phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tại Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2011 và được Sở Xây dựng trình duyệt thiết kế - dự toán hạng mục: san nền, giao thông, thoát nước tại Quyết định số 905/QĐ-SXD ngày 28 tháng 10 năm 2010.

Ngày 29 tháng 10 năm 2016, Chủ tịch UBND thành phố U ban hành Quyết định số 7482/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết TL 1/500 điều chỉnh cục bộ các lô đất có ký hiệu B2-1, B thuộc Khu đô thị H (giai đoạn 2).

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 7482/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2016 của UBND thành phố U về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết TL 1/500 điều chỉnh cục bộ các lô đất có ký hiệu B2-1, B thuộc Khu đô thị H (giai đoạn 2), Ban Quản lý đã phối hợp với V2 ranh giới theo quy hoạch được duyệt và đã tham gia bàn giao hỏa mốc giới theo đồ án quy hoạch do UBND quận N chủ trì vào ngày 25 tháng 5 năm 2017.

Từ sau khi nhận chuyển giao hồ sơ dự án, căn cứ các quy hoạch được duyệt đối với công trình HTKT Khu đô thị H (giai đoạn 2 - phân kỳ 2), Ban Quản lý đã đề nghị UBND quận N, Ban Giải phóng mặt bằng quận N tiếp tục thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng để thi công công trình. Trên cơ sở mặt bằng đã giải tỏa Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 01 (nay là Ban Giải phóng mặt bằng quận N) bàn giao, Ban quản lý đã triển khai thi công trình các hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế đã được duyệt. Đến nay, công trình đã được thi công hoàn thành tại các khu vực có mặt bằng, đang dừng thi công do vướng giải tỏa (dự án còn vướng giải tỏa 69 hộ); giá trị xây lắp đạt 48,5% giá trị hợp đồng.

Khi được tiếp tục bàn giao mặt bằng, Ban quản lý sẽ triển khai thi công các hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế đã được duyệt và theo chủ trương của UBND thành phố tại Thông báo số 323/TB-VP ngày 16 tháng 6 năm 2022.

Với nội dung vụ án như trên, **Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2023/HC-ST ngày 08/8/2023** của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T về việc yêu cầu Tòa án huỷ một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 1107/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Chủ tịch UBND quận N liên quan đến phần không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Phùng Văn T về việc áp dụng bảng giá đất năm 2016 để tính thuế và buộc UBND quận N bồi thường cho ông T số tiền nộp thuế chênh lệch: 612.594.336 đồng (*Sáu trăm mười hai triệu, năm trăm chín mươi tư ngàn, ba trăm ba mươi sáu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí hành chính sơ thẩm và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 21/8/2023, người khởi kiện - ông Phùng Văn T (Người khởi kiện) kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án

cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình Ông.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các nội dung kháng cáo của Người khởi kiện; các bên không đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2023/HC-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo quy định.

Sau khi nghe: nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của Người khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng phải bồi thường thiệt hại cho Ông khoản tiền chênh lệch (tăng nghĩa vụ tài chính) phải nộp: 612.594.336 đồng thì thấy:

[1.1]. Hộ gia đình ông Phùng Văn T đang quản lý, sử dụng thửa đất số 62 (314), tờ bản đồ số 34, diện tích 95,6m² tại phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Năm 2010, thực hiện Dự án Khu đô thị H (giai đoạn 2) UBND quận N đã ban hành Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/6/2010, thu hồi toàn bộ thửa đất nêu trên. Năm 2016, U có Quyết định điều chỉnh lại quy hoạch thì thửa đất của ông T không bị thu hồi giải tỏa nữa. Sau khi có Quyết định điều chỉnh quy hoạch của UBND thành phố U thì UBND quận N không công bố việc điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 46, Điều 48 Luật Đất đai 2013; không ban hành Quyết định thu hồi, hủy bỏ Quyết định thu hồi đất đối với thửa đất nêu trên của gia đình ông T. Tại Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Chủ tịch UBND quận N cũng đã chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của ông T về việc: UBND quận N không công bố điều chỉnh quy hoạch khi Chủ tịch U ban hành Quyết định số 7482/QĐ-UBND ngày 29/10/2016 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết TL 1/500 điều chỉnh cục bộ các lô đất ký hiệu B2-1, B2-2 thuộc Khu đô thị H (giai đoạn 2); chậm ban hành quyết định thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của UBND quận N.

[1.2]. Ông T khởi kiện cho rằng: Do UBND quận N chậm ban hành quyết định thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của UBND quận N đã làm cho gia đình Ông phải gánh khoản thuế nộp tiền sử dụng đất và thuế thu nhập cá nhân theo Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của U lên đến 809.659.780 đồng. Trong khi đó, nếu UBND quận N kịp thời ban hành quyết định thu hồi, hủy bỏ quyết định thu hồi đất ngay khi U ban hành quyết định điều chỉnh quy hoạch năm 2016 để trả lại quyền sử dụng đất hợp

pháp cho gia đình Ông thì đã không phải gánh nặng mức thuế nêu trên khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất. Bởi mức tính thuế nộp tiền sử dụng đất và thuế thu nhập cá nhân thời điểm đó theo Quyết định 46/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của U chỉ 197.065.440 đồng. Chênh lệch: 612.594.336 đồng vì vậy, ông T yêu cầu:

- Huỷ một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 1107/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Chủ tịch UBND quận N liên quan đến phần không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Phùng Văn T về việc áp dụng bảng giá đất năm 2016 để tính thuế.

- Buộc UBND quận N bồi thường cho ông T số tiền nộp thuế chênh lệch: 612.594.336 đồng (*Sáu trăm mười hai triệu, năm trăm chín mươi tư ngàn, ba trăm ba mươi sáu đồng*).

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T trong trường hợp này thuộc quy định tại khoản 11 Điều 17 và khoản 2 Điều 40 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, sẽ được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 55 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Thông tư số 02/2023/TT-TANDTC ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 55 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về giải quyết yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính tại Tòa án.

[2]. Bản án hành chính sơ thẩm nhận định: “ Bởi lẽ nếu ông T cho rằng hậu quả của việc gia đình ông T phải nộp các khoản thuế để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu theo giá đất mới và bị thiệt hại với số tiền 612.594.336 đồng (*Sáu trăm mười hai triệu, năm trăm chín mươi tư ngàn, ba trăm ba mươi sáu đồng*) là do hành vi trái pháp luật của UBND quận N thì ông T có quyền thực hiện quyền yêu cầu của mình theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Chủ tịch UBND quận cũng như UBND quận không có thẩm quyền giải quyết đối với nội dung khiếu nại này” nhưng lại bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện về việc buộc UBND quận N bồi thường cho ông T số tiền nộp thuế chênh lệch: 612.594.336 đồng là không đúng với quy định tại khoản 11 Điều 17 và khoản 2 Điều 40 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2023/HC-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm xét xử lại vụ án.

[3]. Do hủy án sơ thẩm để xét xử lại nên Người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.
- Chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Văn Tam .

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2023/HC-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phùng Văn T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến